

Bản số: 532/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 8 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 280/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Q trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Q và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau cưới chị về gia đình anh Q ăn ở tại thôn B, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm kinh tế và nuôi dạy con, anh Q có biểu hiện nghiện ma túy và thiếu trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình tham gia hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Q.

2. Về con chung:

Chị Q trình bày chị và anh Q có hai con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 27 tháng 5 năm 2011 và Nguyễn Văn T sinh ngày 24 tháng 3 năm 2013. Anh Q trực tiếp nuôi hai con từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn chị đề nghị để anh Q tiếp tục nuôi hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Q tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị Q trình bày chị và anh Q có tài sản chung, khi ly hôn đề nghị tự giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Anh Nguyễn Văn Q là bị đơn trong vụ án, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Bùi Thị Q vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh

Nguyễn Văn Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh Q đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 71 đăng ký ngày 25 tháng 8 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm kinh tế và nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình tham gia hòa giải song không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Anh Q vẫn sinh sống tại địa phương và biết việc chị Q xin ly hôn song không trình bày quan điểm của mình. Điều đó chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Q xin ly hôn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Q được ly hôn anh Q.

[3]. Về con chung: Chị Q và anh Q có hai con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 27 tháng 5 năm 2011 và Nguyễn Văn T sinh ngày 24 tháng 3 năm 2013. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, anh Q trực tiếp nuôi hai con từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, việc nuôi con đã ổn định và đảm bảo tốt về mọi mặt cho con, khi ly hôn chị Q đề nghị để anh Q tiếp tục nuôi hai con, anh Q không có ý kiến. Do vậy, cần giao hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q đề nghị để chị và anh Q tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị Q trình bày chị và anh Q có tài sản chung, đề tự giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Anh Q chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều

82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi hai con chung tên là Nguyễn Thị N sinh ngày 27 tháng 5 năm 2011 và Nguyễn Văn T sinh ngày 24 tháng 3 năm 2013 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000807 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T, HP;
- Chi cục THADS huyện T, HP;
- UBND xã T, huyện T, HP (cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhã